

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 06/09/2021.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhã Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Y Nik Êban.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Kăn Niê - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06/09/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Toà án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2021/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 03 năm 2021. Về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 21 tháng 07 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 17 tháng 08 năm 2021.

Giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đ.

Địa chỉ: Đội 03, buôn D 01, xã D, huyện A, tỉnh Đ.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

***Bị đơn:** Ông **Lê Đình B**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đk. *(Vắng mặt)*

NHẬN THẤY

***Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với ông Lê Đình B trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Đ vào ngày 25/06/2012.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm, đến tháng 06 năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau, ông Lê Đình B là một người nghiện rượu, suốt ngày say xỉn và không tu chí làm ăn dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần. Vợ chồng chúng tôi cũng đã được hai bên gia đình khuyên răn, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Lê Đình B.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 02 con chung, các cháu tên là Lê Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 06/04/2013 và Lê Thị Tú Q, sinh ngày 05/11/2016.

Nguyện vọng về con: Tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 cháu cháu tên là Lê Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 06/04/2013 và cháu Lê Thị Tú Q, sinh ngày 05/11/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Lê Đình B phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung, vì vậy tôi không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Đình B mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện EaKar tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng ông Lê Đình B không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ vào các Điều 70, 72, khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn ông Lê Đình B. Và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện EaKar cũng đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông Lê Đình B và bà Nguyễn Thị D tại chính quyền địa phương. Ban tự quản Thôn A, xã C xác định: Ông Lê Đình B có đăng ký hộ khẩu tại Thôn A, xã N, huyện K, tỉnh Đ và hiện nay vẫn đang sinh sống, làm ăn ổn định tại địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà D với B là do ông Lê Đình B suốt ngày rượu chè, không chịu tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng cuối năm 2016 cho đến nay.

Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/08/2021, Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn ông Lê Đình B vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Đình B, bà D được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nh và cháu Q đến tuổi trưởng thành (Trên 18 tuổi). Ngoài ra, bà D không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Lê Đình B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của những người tham

gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông B với bà D đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay, các bên không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Bà D và ông B có 02 con chung là cháu Lê Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 06/04/2013 và cháu Lê Thị Tú Q, sinh ngày 05/11/2016. Bà Nguyễn Thị D có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai cháu Nh có nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị D. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng nên cần chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Nh và cháu Q cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, đề ngày 22/02/2021, Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện EaKar đã niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 21 tháng 07 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 17 tháng 08 năm 2021 đối với bị đơn ông Lê Đình B. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Đình B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lê Đình B.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Đình B kết hôn vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Đ nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, thường

xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau, ông Lê Đình B là một người nghiện rượu, suốt ngày say xỉn và không tu chí làm ăn dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần, vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình khuyên răn, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn được nữa. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay, hai vợ chồng không liên lạc, không hề quan tâm hay chăm sóc gì đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Đình B.

[4] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Đình B có 02 con chung là cháu Lê Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 06/04/2013 và cháu Lê Thị Tú Q, sinh ngày 05/11/2016. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị D có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và lấy lời khai của cháu Lê Thị Quỳnh Nh thì cháu Nh cũng có nguyện vọng là được ở với bà D. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng nên cần chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Lê Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 06/04/2013 và cháu Lê Thị Tú Q, sinh ngày 05/11/2016 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và công nợ*: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Đình B.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 06/04/2013 và cháu Lê Thị Tú Q, sinh ngày 05/11/2016 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

Ông Lê Đình B được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông B không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, theo biên lai thu án phí số AA/2019/0016973, ngày 03/03/2021.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D; bị đơn ông Lê Đình B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- UBND xã C, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Nhã Phương